

nguyên môi trường; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Xây dựng thành phố Quảng Ngãi có nền kinh tế phát triển toàn diện; văn hoá, khoa học kỹ thuật tiến nhanh đến trình độ tiên tiến, hiện đại.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế chủ yếu bình quân hàng năm từ 22-23%. Trong đó: CN.TTCN-XD tăng bình quân 27 - 27,5%; TM-DV tăng bình quân 20 - 21%; nông nghiệp tăng bình quân 5,5 - 6%. Thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 USD/người/năm.

- Tăng tỷ trọng CN-TTCN, xây dựng và TM-DV, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; đến năm 2010: CN.TTCN-XD chiếm từ 48 - 48,5%; TM-DV từ 47,5 - 48%; nông nghiệp từ 4 - 4,5%.

- Sản lượng lương thực năm 2010 là 10.000 tấn; đàn bò lai chiếm tỷ trọng 95% trong tổng đàn; đàn heo đạt 28.000 con.

- Thu ngân sách năm 2010 đạt 180 tỷ đồng, bình quân tăng thu hàng năm từ 13-13,5%.

2. Về xã hội

- Hàng năm giải quyết việc làm cho 2.500 -3.000 lao động, trong đó tạo việc làm mới cho 1.500 lao động. Đến năm 2010, giảm hộ nghèo còn dưới 2,5%; xóa hết nhà tạm cho hộ nghèo.

- Giảm tỉ suất sinh hàng năm từ 0,4 - 0,5‰. Giữ ổn định tỉ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,9%. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 10%; 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Đạt phổ cập giáo dục THPT trong độ tuổi vào năm 2009. 100% trường Tiểu học, 80% trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Năm 2010 có trên 90% gia đình, 80% thôn tổ dân phố, 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 70% thôn, tổ dân phố hoặc liên tổ dân phố có điểm sinh hoạt; 80% xã, phường có nhà văn hóa.

- Nâng cấp mở rộng giao thông thôn, hẻm phố bình quân hàng năm từ 40.000 - 50.000 m²; lát vỉa hè đường phố bình quân hàng năm từ 18.000-20.000m². Hoàn thành cơ bản việc cấp giấy CN.QSD đất vào năm 2007.

- Phần đầu đạt chỉ tiêu cây xanh, thảm cỏ từ 8 - 10 m²/người; 100% hộ gia đình nội thành và trên 60% hộ gia đình nông thôn đăng ký đổ rác với Công ty môi trường. Xây dựng từ 6 - 8 nhà vệ sinh công cộng.

- Đến năm 2010 đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh đạt 40.000m³/ngày đêm.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1 Về kinh tế

- Xây dựng các cụm công nghiệp và một số điểm CN-TTCN ở xã phường, phát triển các ngành nghề mới có công nghệ cao, công nghệ sạch, tiếp tục phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương, khuyến khích các cơ sở sản xuất đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Phần đầu đạt giá trị sản xuất CN-TTCN năm 2006 là 333 tỷ đồng, năm 2010 là 685 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân hàng năm 2006 - 2010 từ 19 - 20%.

- Huy động các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước để phát triển cơ sở hạ tầng, cải tạo nâng cấp chợ Quảng Ngãi, xây dựng chợ rau quả, chợ phía tây, cải tạo, nâng cấp một số chợ xã phường; kêu gọi đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng đạt tiêu chuẩn. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ mới; tăng cường quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu. Phần đầu đạt tổng doanh thu năm 2006 là 2.420 tỷ đồng, năm 2010 là 5.280 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 20 - 21%.

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thực hiện chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng đạt hiệu quả kinh tế cao. Phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố. Phần đầu đạt giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2006 là 106 tỷ đồng (trồng trọt: 51 tỷ, chăn nuôi 55 tỷ), năm 2010 là 132 tỷ đồng (trồng trọt: 57 tỷ, chăn nuôi 75 tỷ). Tốc độ tăng bình quân 2006 - 2010 từ 5,5 - 6%.

- Phần đầu thực hiện vượt chỉ tiêu thu ngân sách hàng năm được giao. Thu ngân sách đạt 180 tỷ đồng vào năm 2010, tăng thu bình quân hàng năm từ 13 - 13,5%. Bảo đảm tính công khai, dân chủ, minh bạch trong chi ngân sách, đảm bảo yêu cầu chi thường xuyên, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cho thời kỳ mới. Tăng cường nguồn vốn huy động từ quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố.

2. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và quản lý đô thị

a. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của thành phố, xây dựng các tuyến đường chính có trong quy hoạch, hệ thống thoát nước thành phố (giai đoạn 2), hệ thống điện chiếu sáng công cộng, các công trình văn hóa, trung tâm hành chính thành phố,... Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của thành phố 5 năm là 3.052 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2006 - 2007 là 763 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư từ ngân sách Nhà nước 247 tỷ đồng, huy động vốn trong nhân dân và các doanh nghiệp 228 tỷ đồng, thu hút đầu tư từ bên ngoài 288 tỷ đồng (trong đó vốn Trung ương cấp 100 tỷ đồng, vốn đầu tư nước ngoài là 188 tỷ đồng).

+ Giai đoạn 2008 - 2010 là 2.289 tỷ đồng. Trong đó: khả năng đầu tư từ nội bộ nền kinh tế là 1.425 tỷ đồng (đầu tư từ ngân sách 841 tỷ đồng, huy động vốn trong nhân dân và các doanh nghiệp 584 tỷ đồng), thu hút đầu tư từ bên ngoài 864 tỷ đồng (vốn TW đầu tư 300 tỷ đồng, vốn đầu tư nước ngoài 564 tỷ đồng).

b. Quản lý đô thị và tài nguyên - môi trường

- Triển khai và tổ chức thực hiện tốt quy chế quản lý đô thị, phân định rõ trách nhiệm quản lý ở mỗi cấp, mỗi ngành, xây dựng quy chế quản lý đô thị; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về quy chế quản lý đô thị...

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết phần còn lại của phường Nghĩa Chánh và Quảng Phú, quy hoạch chi tiết trung tâm 2 xã Nghĩa Dũng và Nghĩa Đông, quy hoạch và mở rộng không gian đô thị ra phía Bắc sông Trà; quy hoạch chi tiết các khu tái định cư và một số khu dân cư của xã, phường.

- Thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất; hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Tiếp tục làm tốt công tác thu gom và xử lý rác thải, nước thải, trồng cây xanh, thảm cỏ góp phần thực hiện môi trường đô thị “xanh - sạch - đẹp”.

3. Văn hóa xã hội

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Xây dựng cơ sở vật chất trường học bảo đảm yêu cầu trường chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục, tăng cường trật tự kỷ cương trong trường học. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Đến năm 2010: 100% trường tiểu học, 80% trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các trạm y tế xã, phường, nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, phòng chống dịch bệnh. Tổ chức thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia. Tăng cường công tác quản lý y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đến năm 2010, có 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế; giữ ổn định mức tăng dân số tự nhiên dưới 0,9%; từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ xã hội về truyền thông, giáo dục, tư vấn bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cho gia đình và cộng đồng.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, đảm bảo tuyên truyền mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân. Tập trung nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Đẩy mạnh các phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao; xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao. Thực hiện việc xã hội hóa công tác văn hóa - thông tin, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, đến năm 2010 có 90% gia đình; 80% thôn, tổ dân phố; 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo, phấn đấu đến năm 2010 giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2,5%. Đến cuối năm 2007 cơ bản xoá tình trạng nhà ở tạm bợ cho hộ nghèo. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Khoa học công nghệ

Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả khoa học kỹ thuật công nghệ vào quản lý, sản xuất, dịch vụ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Khuyến khích đổi mới thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đào tạo và phát triển cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố. Đến năm 2010, có 100% cơ quan ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, 80% cán bộ biết sử dụng vi tính.

5. Về an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội

- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng về công tác quốc phòng và công tác công an trong tình hình mới. Bảo đảm an ninh - quốc phòng, giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Thực hiện công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu hàng năm.

- Tăng cường đấu tranh phòng chống và trấn áp tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng các điển hình về công tác trật tự an toàn xã hội, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng phòng chống âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

6. Công tác tổ chức Nhà nước và cải cách hành chính

- Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của UBND các cấp. Thực hiện tốt đề án quy hoạch cán bộ đến năm 2010. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, trong sạch, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ nhân dân, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và chế độ trách nhiệm cá nhân. Thực hiện tốt cơ chế “một cửa” ở các cấp, các ngành; chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực cho sự phát triển của thành phố .

Điều 3. Giao UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

(Nghị quyết này được kỳ họp thứ 9 (bất thường) HĐND thành phố, khóa IX, thông qua ngày 10/11/2006)

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Thị Thuỳ Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2006/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 11 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp
trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006 - 2010**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 08/11/2006 của Thành ủy Quảng Ngãi về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.

Xét Tờ trình 134/TTr-UBND ngày 09/11/2006 của UBND thành phố về việc đề nghị thông qua Đề án phát triển CN - TTCN trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội và ý kiến của đại biểu HĐND thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006 - 2010 của UBND Thành phố, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu tổng quát

Phát huy và khai thác mọi nguồn lực, tập trung phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của thành phố với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, gắn kết với phát triển thương mại - dịch vụ và nông nghiệp chất lượng cao; bảo đảm an ninh - quốc phòng, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng tích cực.

II. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Năm 2006: Giá trị sản xuất đạt 333 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 21 - 21,5%; chiếm tỷ trọng 25,8% trong cơ cấu của các ngành kinh tế; có 2.299 cơ sở sản xuất, thu hút 6.500 lao động.

- Năm 2010: Giá trị sản xuất đạt 752 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 22,5%; chiếm tỷ trọng 32,2% trong cơ cấu của các ngành kinh tế; có 3.610 cơ sở sản xuất, thu hút 8.000 lao động.

III. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thiên Bút, Yên Phú của Thành phố và các điểm công nghiệp của xã, phường. củng cố, kiện toàn các hợp tác xã sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hiện có và phát triển một số hợp tác xã ngành nghề mới.

2. Xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích để thu hút các nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp và điểm công nghiệp, tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất tiếp cận với thị trường, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố để phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương và Tỉnh về phát triển nguồn nhân lực; mở rộng và khuyến khích các hình thức đào tạo tập trung tại các trường dạy nghề, truyền nghề, dạy nghề tại chỗ ở các cơ sở sản xuất, các làng nghề.

4. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, thực hiện việc đăng ký chất lượng, mẫu mã, bao bì, thương hiệu sản phẩm. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân và cơ sở sản xuất phát triển ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng đa dạng, phong phú để phục vụ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

5. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ theo dõi phụ trách ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từ thành phố đến xã, phường. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo từng địa bàn.

- Đối với các phường trung tâm: phát triển những ngành nghề có kỹ thuật cao, sử dụng thiết bị và công nghệ tiên tiến, ít ô nhiễm môi trường.

- Đối với các xã, phường khác: phát triển những ngành nghề, làng nghề truyền thống và phát triển thêm ngành nghề mới thu hút nhiều lao động.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất khai thác tốt các nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động.

Điều 2: Giao UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND Thành phố thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

(Nghị quyết này được kỳ họp thứ 9 (bất thường) HĐND thành phố, khoá IX, thông qua ngày 10/11/2006)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Thị Thủy Dung**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2006/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 11 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án phát triển thương mại - dịch vụ
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thành ủy khóa XIII về phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND Thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Xét Tờ trình 135/TTr-UBND ngày 09/11/2006 của UBND Thành phố về việc đề nghị thông qua Đề án phát triển TM-DV trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006 -2010; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến của đại biểu HĐND thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006 - 2010 của UBND Thành phố, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu tổng quát

Phát huy và khai thác mọi nguồn lực, tập trung phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng lành mạnh, bền vững, gắn kết với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá; từng bước hội nhập với thị trường trong và ngoài nước, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, từng bước đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân; bảo đảm an ninh - quốc phòng, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. Một số chỉ tiêu cơ bản

- Tổng doanh thu thương mại - dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010 tăng gấp 2,7 lần so với thời kỳ 2001 - 2005; năm 2006 là 2.420 tỷ đồng; năm 2008 là 3.504 tỷ đồng; năm 2010 là 5.225 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng doanh thu bình quân hàng năm thời kỳ 2006 - 2010 là 21,2%; trong đó, tốc độ tăng bình quân hàng năm của ngành vận tải là 15,73%.

- Tỷ trọng cơ cấu của thương mại - dịch vụ trong cơ cấu các ngành kinh tế chủ yếu của thành phố đến năm 2010 chiếm từ 47,5 - 48%.

III. Một số nhiệm vụ chủ yếu

1. Đầu tư mở rộng, nâng cấp các chợ của thành phố và xã, phường; xây dựng chợ phía Tây thành phố, chợ rau - quả phía Nam thành phố; thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý, khai thác kinh doanh chợ Quảng Ngãi và một số chợ trên địa bàn phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố.

2. Tập trung xây dựng các cụm thương mại - dịch vụ ở ngã năm mới, ngã tư Ông Bó - Cầu Mới, khu công nghiệp Quảng Phú, Vạn Tượng, ngã tư Ba La. Hình thành Trung tâm thương mại, các siêu thị vừa và nhỏ; các điểm vui chơi, giải trí khu vực ven bờ Nam sông Trà, bờ Bắc sông Bầu Giang; mô hình du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực, du lịch mua sắm...

3. Phát triển mô hình dịch vụ cung ứng về lương thực, thực phẩm sạch, chất lượng cao phục vụ cho Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh. Mở rộng thị trường hàng hoá, liên doanh, hợp tác với các thị trường trong và ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá.

4. Phát triển các loại hình dịch vụ mới như dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, cung cấp thông tin thị trường, các dịch vụ phục vụ gia đình và công cộng. Khuyến khích phát triển các làng nghề, cơ sở sản xuất sản phẩm phục vụ khách du lịch.

5. Đổi mới phương thức hoạt động đối với hợp tác xã vận tải; xây dựng Bến xe liên tỉnh, các bãi đậu, đỗ xe công cộng.

6. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư. củng cố, kiện toàn các cơ quan chuyên môn và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực thương mại - dịch vụ từ thành phố đến xã phường.

Điều 2. Giao UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

(Nghị quyết này được kỳ họp thứ 9 (bất thường) HĐND thành phố, khoá IX, thông qua ngày 10/11/2006.)

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Thị Thuỳ Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2006/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 11 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn
theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá giai đoạn 2006-2010**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

KHÓA IX- KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá giai đoạn 2006-2010; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội và ý kiến của đại biểu HĐND thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá giai đoạn 2006-2010, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Một số chỉ tiêu cơ bản

1. Giá trị tổng sản lượng:

- Năm 2005 đạt 101,98 tỷ đồng.
- Năm 2006 đạt 106 tỷ đồng, so với năm 2005 tăng 4,62%.
- Năm 2007 đạt 112 tỷ đồng, so với năm 2006 tăng 5,66%.
- Năm 2008 đạt 118,5 tỷ đồng, so với năm 2007 tăng 5,85%.
- Năm 2009 đạt 126 tỷ đồng, so với năm 2008 tăng 6,3%.
- Năm 2010 đạt 134 tỷ đồng, so với năm 2009 tăng 6,4%.

Tốc độ tăng bình quân là 5,78%.

2. Về trồng trọt:

- Sản lượng lương thực qui thóc năm 2005 là 11.953 tấn; năm 2010 là 10.000 tấn.

- Diện tích một số cây trồng chính:

+ Cây lúa năm 2005 là 1.357,2ha; năm 2010 là 890ha.

+ Cây bắp năm 2005 là 740ha; năm 2010 là 700ha.

+ Cây rau năm 2005 là 1.010ha; năm 2010 là 1.250ha.

Trong đó: Rau an toàn năm 2005 là 9,5ha; năm 2010 từ 60 - 100ha.

Phần đầu đến năm 2010 có 2-3 cánh đồng đạt 100 triệu/ha/năm, nâng bình quân giá trị trên 01ha canh tác từ 33.000.000đ (năm 2005) lên 50.000.000đ (năm 2010).

3. Về chăn nuôi:

- Tổng đàn trâu, bò năm 2005 là 6.910 con; năm 2010 là 8.400 con. Tốc độ tăng bình quân hàng năm là 3,59%.

Trong đó, bò lai chiếm 89% (năm 2005) lên 95% (năm 2010).

- Tổng đàn heo năm 2005 là 27.015 con; năm 2010 là 30.000 con. Tốc độ tăng bình quân hàng năm là 3,69%.

Trong đó đàn heo hướng nạc chiếm 65% (năm 2005) lên 70% (năm 2010).

- Tổng đàn gia cầm năm 2005 là 97.675 con; năm 2010 là 150.000 con.

- Diện tích mặt nước nuôi thủy sản nước ngọt năm 2005 là 2,5 ha; năm 2010 là 15 ha.

4. Về giao thông nông thôn:

- Đối với khu vực nội thành: Đến năm 2010, phần đầu 100% các đường thôn, hẻm phố rộng 3,5 m trở lên đều được bê tông xi măng .

- Đối với khu vực ngoại thành: Đến năm 2010, phần đầu bê tông xi măng 80% đường liên thôn, hẻm phố; 40% bê tông cốt thép công trình thoát nước theo Đề án giao thông thôn, hẻm phố giai đoạn 2006-2010.

5. Giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, đến năm 2010 có 100% trường Tiểu học, 80% trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

- Nâng cấp các trạm y tế xã, phường đạt chuẩn quốc gia để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa, thể dục - thể thao, các điểm đọc sách ở thôn, tổ dân phố.

II. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Thành ủy, HĐND và UBND thành phố về phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn giai đoạn 2006-2010; thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, coi trọng biện pháp thâm

canh, luân canh, chuyên canh tăng năng suất, đặc biệt là sử dụng giống mới, công nghệ mới, tăng nhanh tốc độ cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.

2. Tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao. Hình thành các vùng có điều kiện phát triển chăn nuôi, tập trung nuôi bò, heo, gia cầm và thủy sản nước ngọt.

3. Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, có chính sách hỗ trợ kinh tế hợp tác phát triển, khuyến khích mở rộng kinh tế trang trại, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ trong sản xuất kinh doanh; sử dụng tốt các nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

4. Lập kế hoạch xây dựng các kè chống sạt lở bờ sông, xây dựng các khu dân cư để di dời dân trong vùng có nguy cơ sạt lở, vùng bị ngập sâu khi có lụt, bão.

5. Tập trung xây dựng, nâng cấp mạng lưới giao thông nông thôn, hẻm phố, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án xây dựng mô hình phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa - hợp tác hóa - dân chủ hóa ở xã Nghĩa Dũng giai đoạn 2006 -2010.

Điều 2. Giao UBND thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

(Nghị quyết này được kỳ họp thứ 9 (bất thường) HĐND thành phố, khoá IX, thông qua ngày 10/11/2006.)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Thị Thùy Dung